

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2267/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 21 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục tên, số hiệu đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp tại Tờ trình số 5361/TTr-SXD ngày 12 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục tên, số hiệu đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. (Phụ lục Danh mục kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm triển khai, công khai, phổ biến, hướng dẫn thực hiện quyết định này; tổng hợp các vướng mắc, phát sinh và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung danh mục tên, số hiệu đường tỉnh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm phối hợp cùng Sở Xây dựng cập nhật, công khai thông tin rộng rãi danh mục tên, số hiệu đường tỉnh trên địa bàn quản lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Công văn số 544/UBND-KTN ngày 03 tháng 9 năm 2013 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc phạm vi cấm mốc lộ giới các tuyến đường tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Xây dựng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUBND: CVP, các PCVP;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, ĐTQH (Tùng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Diệu

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH MỤC

Tên, số hiệu đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2267 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

TT	Tên đường	Số hiệu đường bộ	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cấp đường		Ghi chú
						Hiện hữu	Quy hoạch	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	TOÀN TỈNH		52 tuyến		912,942			
1.	Đường tỉnh 841	ĐT.841	Giao đường Nguyễn Huệ (phường Hồng Ngự)	Cửa khẩu Quốc tế Thường Phước (xã Thường Phước)	23,85	IV	III	Các đoạn đi qua đô thị cấp đường hiện hữu đạt tiêu chuẩn Cấp II
2.	Đường tỉnh 842	ĐT.842	Giao tuyến tránh QL.30 (phường An Bình)	Ranh tỉnh Tây Ninh (xã An Phước)	26,40	IV	III	
3.	Đường tỉnh 843	ĐT.843	QL.30 (xã Thanh Bình)	Bến dò Long Sơn Ngọc (xã Tân Thành)	56,60	IV-V	III - IV	Các đoạn đi qua đô thị cấp đường hiện hữu đạt tiêu chuẩn Cấp II
4.	Đường tỉnh 844	ĐT.844	Giao QL.30 (xã An Long)	Ranh tỉnh Tây Ninh (xã Trường Xuân)	47,35	IV	QH thành QL.30C	Các đoạn đi qua đô thị cấp đường hiện hữu đạt tiêu chuẩn Cấp II
5.	Đường tỉnh 845	ĐT.845	Ngã 3 cầu Ngân Hàng (xã Tháp Mười)	ĐT.844 (xã Trường Xuân)	15,33	III - IV	III	
6.	Đường tỉnh 846	ĐT.846	Giao QL.30 (phường Mỹ Ngãi)	Cầu Bằng Lăng (xã Đốc Binh Kiều)	28,81	III - IV	QH thành QL.30B	
7.	Đường tỉnh 848 (Vành đai)	ĐT.848 (Vành đai)	Giao ĐT.848 (phường Sa Đéc)	Giao QL.80 (xã Tân Dương)	7,657	III	QH thành QL.80B	

8.	Đường tỉnh 848	ĐT.848	Giao đường Nguyễn Sinh Sắc (phường Sa Đéc)	Ranh tỉnh An Giang (xã Mỹ An Hưng)	24,54	III - IV	QH thành QL.80B	
			Giao đường Nguyễn Sinh Sắc	Giao vành đai ĐT.848	7,0		Quy hoạch thành đường đô thị	
9.	Đường tỉnh 849	ĐT.849	Giao ĐT.848 (xã Mỹ An Hưng)	Giao QL.80 (xã Lấp Vò)	9,77	III	III	
10.	Đường tỉnh 850	ĐT.850	Bến phà Sa Đéc (xã Mỹ Hiệp)	Giao Đường HCM (xã Mỹ Quý)	26,250	III - IV	III	
11.	Đường tỉnh 851	ĐT.851	Giao QL.80 (xã Hòa Long)	Giao QL.54, ngã 5 Tân Thành (xã Lai Vung)	8,350	III	III	
12.	Đường tỉnh 852	ĐT.852	Giao vành đai ĐT.848 (QL.80B), phường Sa Đéc	Giao ĐT.851 (xã Hòa Long)	15,57	IV-V	III	
			Giao ĐT.848 (cũ)	Giao vành đai ĐT.848 (QL.80B)	2,63	III-IV	Giao UBND phường Sa Đéc quản lý	
13.	Đường tỉnh 852B	ĐT.852B	Giao ĐT.849 (xã Lấp Vò)	Giao ĐH.64 (xã Lấp Vò)	11,380	III	III	
14.	Đường tỉnh 853	ĐT.853	Giao QL.80 (xã Tân Dương)	Bến phà Phong Hòa – Thới An (xã Phong Hòa)	19,230	IV	III	
15.	Đường tỉnh 854	ĐT.854	Giao QL.80 (xã Tân Nhuận Đông)	Ranh tỉnh Vĩnh Long (xã Tân Nhuận Đông)	16,550	IV	Quy hoạch thành đường xã	
16.	Đường tỉnh 855	ĐT.855	Cầu Huyện Đội (xã Tràm Chim)	Giao ĐT.845 (xã Phú Cường)	14,550	III-V	Quy hoạch thành đường xã	
17.	Đường tỉnh 856	ĐT.856	Giao tuyến tránh Quốc lộ 30 (phường Mỹ Trà)	Giao ĐT.844 (xã Trường Xuân)	21,482	IV	III	
18.	Đường tỉnh 861	ĐT.861	Giao QL.1 (Ngã ba xã Mỹ Lợi)	Ngã 6 Mỹ Trung (xã Mỹ Thiện)	15,300	V	III	

19.	Đường tỉnh 862	ĐT.862	Giao QL.50 (phường Gò Công)	Đền Đồ Đê Biển (xã Gò Công Đông)	21,140	III - VI	III	
20.	Đường tỉnh 863	ĐT.863	Giao QL.1 (xã Hội Cư)	Ngã 6 Mỹ Trung (xã Mỹ Thiện)	14,170	V - VI	IV	
21.	Đường tỉnh 864	ĐT.864	Giao đường cầu Bình Đức (phường Thới Sơn)	Cầu Mỹ Thuận (xã An Hữu)	57,654	III - V	III	
22.	Đường tỉnh 864 (Đường dọc sông Tiền)	ĐT.864 (Đường dọc sông Tiền)	Giao QL.50 (phường Mỹ Phong)	Giao ĐT.877B (xã Bình Ninh)	14,421	III	II	Dự án đang tiếp tục thực hiện theo QH
23.	Đường tỉnh 865	ĐT.865	Ranh tỉnh Tây Ninh (xã Hưng Thạnh)	Cầu Bằng Lăng (xã Hậu Mỹ)	47,061	IV	QH thành QL.30B	
24.	Đường tỉnh 866	ĐT.866	Giao QL.1 (xã Châu Thành)	Giao ĐT.865 (xã Hưng Thạnh)	9,822	IV	III	
25.	Đường tỉnh 866B	ĐT.866B	Giao ĐT.866 - Ngã ba Việt Kiều (xã Tân Hương)	Kênh Năng (xã Tân Phước 3)	5,340	IV	III	
26.	Đường tỉnh 867	ĐT.867	Giao QL.1 - Ngã ba Long Định (xã Long Định)	Cầu Ngã 5 Hoàng Gia (xã Tân Phước 1)	23,160	VI-III	III	
27.	Đường tỉnh 868	ĐT.868	Ranh tỉnh Tây Ninh (xã Thạnh Phú)	Bến đò Thủy Tây (xã Ngũ Hiệp)	35,790	V-III	QH thành QL.30C	Đoạn từ cầu Hai Hạng đến QL.1 thành QL.30C
28.	Đường tỉnh 869	ĐT.869	Giao QL.1 - Ngã ba An Cư (xã Hội Cư)	Giao ĐT.865 (xã Hậu Mỹ)	19,764	IV	III	
29.	Đường tỉnh 870	ĐT.870	Giao QL.1 Ngã 4 Đồng Tâm (phường Trung An và xã Long Hưng)	Giao ĐT.864 (phường Trung An và xã Kim Sơn)	5,712	IV	III	Trùng với đường dẫn nối từ QL.1 vào cầu Rạch Miễu 2 dài 4,2 Km
30.	Đường tỉnh 870B	ĐT.870B	Giao QL.1 (phường Trung An)	Giao ĐT.864, Khu CN Mỹ Tho (phường Trung An)	4,506	III	III	
31.	Đường tỉnh 871	ĐT.871	Ngã 4 Nguyễn Văn Côn (phường Long Thuận)	Cảng cá Vàm Láng (xã Gia Thuận)	13,236	III - IV	III	

32.	Đường tỉnh 871B	ĐT.871B	Giao QL.50 (Phường Sơn Qui)	Đê sông Soài Rạp (xã Gia Thuận)	7,84	III	II	
33.	Đường tỉnh 871C	ĐT.871C	Ngã 4 Bình Ân (Phường Long Thuận)	Đê biển (xã Tân Điền)	11,180	III - VI	III	
34.	Đường tỉnh 872	ĐT.872	Giao QL.50 - Ngã 3 Hòa Đồng (xã Vĩnh Bình)	ĐT.877 - Ngã 3 Bến đò Cả Chốt (xã Vĩnh Hựu)	7,363	III	III	
35.	Đường tỉnh 872B	ĐT.872B	Giao QL.50 (xã Phú Thành)	Giao ĐT.877B (xã Tân Phú Đông)	10,717	IV	III - II	
36.	Đường tỉnh 873	ĐT.873	Giao QL.50 - Ngã 3 (xã Phú Thành và phường Bình Xuân)	Đường vào Bến phà Mỹ Lợi - QL.50 cũ (phường Sơn Qui)	13,624	IV	IV	
37.	Đường tỉnh 873B	ĐT.873B	Giao QL.50 (phường Bình Xuân)	Đường đê sông Vàm Cỏ (xã Tân Đông)	17,558	IV	II	
38.	Đường tỉnh 874	ĐT.874	Giao QL.1 - Ngã 3 Khu di tích Ấp Bắc (xã Bình Trung)	Giao ĐT.867 (xã Tân Phước 1)	8,055	IV	III	
39.	Đường tỉnh 874B	ĐT.874B	Giao QL.1. Ngã 3 Nhị Quý (phường Nhị Quý)	Cầu Chợ Mỹ Long (xã Long Tiên)	5,040	VI-V	IV - III	
40.	Đường tỉnh 875	ĐT.875	Giao QL.1, Ngã 3 Văn Cang (xã Bình Phú)	Bến sông Tiền (xã Cái Bè)	4,690	III	III	
41.	Đường tỉnh 875B	ĐT.875B	Giao QL.1 (xã Bình Phú)	Bến đò Hiệp Đức - nhánh sông củ lao Tân Phong (xã Hiệp Đức)	10,887	VI	III	
42.	Đường tỉnh 876	ĐT.876	Giao QL.1 (xã Long Định)	Giao ĐT.864 (xã Kim Sơn)	8,600	IV	III	
43.	Đường tỉnh 877	ĐT.877	Giao ĐT.862 (phường Gò Công)	Bến đò Quơn Long (xã An Thạnh Thủy)	29,734	IV-III	III	QH hạ thành Đường xã một số đoạn tuyến
44.	Đường tỉnh 877B	ĐT.877B	Giao QL.50 (xã An Thạnh Thủy)	Giáp biển Đông (xã Tân Phú Đông)	39,258	VI-IV	III	

45.	Đường tỉnh 878	ĐT.878	Giao đường nhánh cao tốc Đồng Tâm (xã Long Hưng)	Giao ĐT.865 (xã Hưng Thạnh)	13,480	III	III mở rộng	
46.	Đường tỉnh 878B	ĐT.878B	Giao QL.1 (xã Châu Thành)	Giao ĐT.879B (xã Mỹ Tịnh An)	8,700	IV	IV	
47.	Đường tỉnh 878C	ĐT.878C (ĐT.878 cũ)	Giao QL.1 (xã Châu Thành)	Giao ĐT.879 (xã Lương Hòa Lạc)	1,294	IV	Quy hoạch thành đường xã	
48.	Đường tỉnh 879	ĐT.879	Giao đường Nguyễn Văn Giác (Phường Mỹ Tho)	Ranh tỉnh Tây Ninh (xã Mỹ Tịnh An)	15,358	VI-IV	III	
49.	Đường tỉnh 879B	ĐT.879B	Giao đường Nguyễn Trung Trực (Phường Mỹ Tho)	Ranh tỉnh Tây Ninh (xã Mỹ Tịnh An)	13,434	IV-III	III	
50.	Đường tỉnh 879C	ĐT.879C	Giao QL.50 (xã Chợ Gạo)	Ranh tỉnh Tây Ninh (xã Tân Thuận Bình)	6,590	IV	III	
51.	Đường tỉnh 879D	ĐT.879D	Giao QL.50 (xã Tân Thuận Bình)	Ranh tỉnh Tây Ninh - cầu Rạch Trâm (xã Đồng Sơn)	10,648	III	III	